TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo.

2. Ông Nguyễn Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hồng T, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ E, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đặng Thiên T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ E, khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2025, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Bà T và ông T1 là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng) ngày 20/10/2005.

Trong thời gian chung sống, hai bên bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Ông T1 không đi làm để lo cho gia đình, đánh đập vợ. Hiện tại bà T nhận thấy mình không còn tình cảm gì với ông T1. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông T1.

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng Thị Thùy H, sinh ngày 20/7/2006 và Đặng Bảo Gia K, sinh ngày 17/11/2016. Cháu H đã trưởng thành. Bà T yêu cầu nuôi con chung tên K và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà T không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/8/2025 bị đơn ông T1 trình bày:*

Ông T1 thống nhất với bà T về quá trình chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do trước đây ông T1 nuôi gà để bán, nhưng sau này không làm được, kinh tế khó khăn. Do đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cải. Bà T đã bỏ nhà đi từ tháng 6/2025 cho đến nay.

Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông T1 không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ con.

- Về con chung: Con chung tên Đặng Thị Thùy H, sinh ngày 20/7/2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung tên Đặng Bảo Gia K, sinh ngày 17/11/2016 hiện nay do bà T nuôi, tùy ý con quyết định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Hồng T khởi kiện ông Đặng Thiên T1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông T1 có nơi cư trú tại khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Ông T1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng ông T1 theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà T:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng) ngày 20/10/2005. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà T cho rằng bà và ông T1 thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, ông T1 không lo làm ăn chăm lo cho gia đình, đánh đập vợ, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống với nhau được nữa. Từ tháng 6/2025 bà T và ông T1 không còn chung sống với nhau. Vì vậy, bà T làm đơn xin ly hôn với ông T1. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông T1 không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Tuy nhiên ông T1 không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hiện tại ông T1 và bà T không còn sống chung với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông T1 không đạt được những điều đó. Nên yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Đặng Thị Thùy H, sinh ngày 20/7/2006 và Đặng Bảo Gia K, sinh ngày 17/11/2016. Cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T yêu cầu nuôi con chung tên K và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 có ý kiến là theo ý kiến của cháu K. Tòa án có tham khảo ý kiến của cháu K thì được biết nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Hiện tại cháu K đang sống với bà T. Do đó, để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu K nên giao cháu K cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 58, 84, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng T đối với ông Đặng Thiên T1 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Hồng T được ly hôn với ông Đặng Thiên T1.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đặng Bảo Gia K, sinh ngày 17/11/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông Đặng Thiên T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Con chung Đặng Thị Thùy H, sinh ngày 20/7/2006 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Phạm Thị Hồng T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003854 ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh